

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 10/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 12/01/2021

V/v ông L xin ly hôn bà O.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Tạ Quang Sơn;**

Bà **Nguyễn Thị Hoa**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội;

- *Đại diện Viện KSND huyện Q, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 236/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa (lần 1) số 09/2020/QĐHPT- LH ngày 24 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa (lần 2) số 10 ngày 9/12/2020; Quyết định tạm dừng phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức L**, sinh năm 1964;

Bị đơn: Bà **Hoàng Thị O**, sinh năm 1971;

Đều có địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 21/12/2020; Bà Hoàng Thị O có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt ngày 11/01/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Đức N**, sinh năm 1937.

2. Bà **Dương Thị X**, sinh năm 1940.

Đều có địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Ngày 12/11/2020 ông N, bà X có đơn xin xử vắng mặt.

3. **Hộ kinh doanh Nguyễn Thị O.**

Địa chỉ: TDP N, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Bà **Nguyễn Thị O**; *Người đồng trách nhiệm:* Ông **Tạ Đức N**. HKTT: TDP N, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Ngày 12/11/2020 ông N, bà O có đơn xin xử vắng mặt.

4. **Ngân hàng Thương mại TNHH MTV X.**

Địa chỉ: 145-147-149 HV, phường 2, thành phố T, tỉnh L. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Văn T**, Chủ tịch Hội đồng thành viên. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Phạm Quyết T**, chức vụ Giám đốc khối xử lý nợ ngân hàng X theo giấy ủy quyền số 16/2019/GUQ - CTHĐTV ngày 12/6/2019 của Chủ tịch Hội đồng thành viên. *Người đại diện tham gia tố tụng:* Ông **Nguyễn Hồng Q**, chức vụ cán bộ xử lý nợ ngân hàng X, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông **Hoàng Anh T**, sinh năm 1974, luật sư Công ty Luật TNHH B, đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Địa chỉ: Phòng 202 - Nhà 17 T4, phố H, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông **Đặng Ngọc D**, sinh năm 1991, Luật sư công ty Luật TNHH V, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 107, phố G, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2019, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức L trình bày:*

Tôi và bà Hoàng Thị O cưới nhau từ tháng 6 năm 1996. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu 6 tháng nhưng đến ngày 29/6/1999 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Lý do tôi đăng ký kết hôn muộn là do tôi mất

trích lục ly hôn nên không đăng ký được. Khi cưới tôi đã có một đời vợ, còn bà O chưa kết hôn lần nào. Cưới xong bà O ở nhà làm ruộng còn tôi làm nghề sửa chữa xe máy tại nhà. Đến năm 2014 do việc sửa xe máy thu nhập thấp nên tôi đi làm công ty còn bà O ở nhà làm ruộng. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn tại nhà tôi và thực sự yêu thương nhau. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi làm ăn thua lỗ cho vay nhưng không lấy được, không có tiền đưa cho bà O nên bà không hỏi han gì đến tôi. Từ 01/8/2015, tôi sống ly thân từ đó đến nay. Bà O ở nhà cùng các con, còn tôi ở công ty không về nhà. Hai vợ chồng không hỏi han gì đến nhau nữa. Tháng 11 năm 2016, bà O bất ngờ đánh tôi khi hai vợ chồng nằm cùng phải đi viện 103 nằm mấy ngày. Trước đó thỉnh thoảng bà O lại đánh tôi. Tôi tính bị đánh tôi tổng cộng 3 lần nhưng không để lại thương tích gì. Theo bà O thì hiện nay tôi có quan hệ với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 ở thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội nhưng tôi với chị H chỉ là bạn bè, không có quan hệ tình cảm gì với nhau cả. Ngoài ra tôi bị bà O tạt axit 01 lần nhưng không thành tại thành phố Hòa Bình khi tôi lên đó mua nguyên vật liệu cho công ty. Do trước đó tôi bị hỏng điện thoại có đưa ra cửa hàng điện thoại sửa. Khi trả điện thoại thợ sửa điện thoại đưa cho bà O. Bà O đã đặt định vị nên tôi đi đâu bà O cũng biết. Khi bà O vào nhà nghỉ lôi chai a xít ra định hắt vào tôi thì tôi phát hiện được đã giằng đồ bỏ được chai a xít xuống nền nhà sủi bọt. Do sợ ảnh hưởng đến lý lịch các con nên tôi không báo công an xử lý mà cho qua chuyện. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn hỏi han gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn xin ly hôn để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung.

- Cháu Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 19/12/1996.
- Cháu Nguyễn Đức Khánh T, sinh ngày 08/3/2000.
- Cháu Nguyễn Đức Tuấn K, sinh ngày 08/7/2008.

Hiện nay hai cháu đã trưởng thành, cháu K còn bé. Nếu ly hôn tôi xin nuôi cháu và không yêu cầu bà O đóng góp nuôi con. Nếu cháu K có nguyện vọng ở với mẹ thì tôi cũng đồng ý và tự nguyện đóng góp nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, công sức: Trước đây, chúng tôi đồng thuận tại tòa tự giải quyết tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng nay bà O có yêu cầu đòi chia tài sản chung. Tài sản chung của vợ chồng ngoài nhà đất của bố mẹ đẻ tôi, vợ

chồng tôi có các tài sản sau: 01 tủ lạnh; 06 điều hòa; 01 máy giặt; 01 máy hút bụi; 01 máy cao áp; 01 bình nóng lạnh; 01 bộ li oa; 01 máy phát điện; 01 vô tuyến Samsung; 01 bộ bàn ghế ăn cơm. Ngoài ra còn có 01 bộ sập gụ là do thầy Nguyễn Cung H, hiện trú tại thị trấn Q tặng bố mẹ tôi; 01 đồng hồ cây của anh Dương Văn T người xã P cho bố mẹ tôi; 01 bộ bàn ghế uống nước bằng salong do anh Chu Văn L người huyện V tặng cho bố mẹ tôi; 04 lọ lục bình do em gái tôi là Nguyễn Thị H cho bố mẹ tôi năm 2011 không liên quan gì đến vợ chồng tôi. Nay bà O có ý kiến chia đôi tài sản chung vợ chồng, tôi có ý kiến cái gì vợ chồng mua được chia làm 4 phần trong đó bố mẹ tôi, vợ chồng tôi. Cái gì quà tặng riêng bố mẹ tôi thì là của bố mẹ tôi vợ chồng tôi không có quyền gì.

Nợ chung: không.

** Bị đơn bà Hoàng Thị O trình bày:*

Về thời gian tìm hiểu và thời gian kết hôn như anh L trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác tên là Nguyễn Thị H, thôn N, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Tôi và gia đình chồng đã khuyên can anh L nhiều lần và gặp cô H để nói chuyện nhưng cô H và anh L vẫn lén lút quan hệ. Tôi đã báo công an một lần nhưng khi công an đến thì hai người không có nhà nên tôi bỏ mặc từ đó đến nay. Sau đó tôi tiếp tục khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi và vẫn quan hệ ngoại tình đến nay. Vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ năm 2015 đến nay. Từ đó vợ chồng ly thân không hỏi han gì đến nhau nữa. Nay anh L làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị Tòa bác đơn xin ly hôn anh L để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung như anh L đã trình bày trên.

Nay ly hôn tôi đề nghị được nuôi cháu K và yêu cầu anh L đóng góp nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản: Khi cưới, tôi không mang tài sản gì về nhà chồng.

Quá trình chung sống: Khi lấy anh L thì anh L làm nghề sửa xe máy, còn tôi phụ chồng rửa xe máy và bán hàng nước. Vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng. Khi đó gia đình chồng có ông bà, cháu N - con riêng của anh L và vợ chồng tôi. Khi đó bố mẹ chồng tôi khoảng 65 tuổi. Khi cưới xong bố mẹ chồng cho ăn riêng luôn nhưng vẫn chung nhà. Đến năm 2010, do bố mẹ chồng đã già nhiều tuổi không đun nấu được nên vợ chồng tôi lại ăn chung với bố mẹ chồng và gia đình chồng giao toàn bộ giỗ tết cho vợ chồng tôi. Khi lấy chồng gia đình chồng có 01 thửa đất hơn 200m² trêm có 01 ngôi nhà hiên tây, lợp ngói 04 gian đã cũ, 02 gian bếp lợp pro xi măng và công trình phụ. Đến năm 2005, vợ chồng bắt đầu làm nhà.

Vợ chồng đập bỏ toàn bộ ngôi nhà cũ xây lên ngôi nhà mới gồm 1 tầng rưỡi, chỉ để lại khoảng 30m² lợp tôn. Tổng số tiền làm hết khoảng 700 triệu. Khi đó bố mẹ tôi không có tiền, em gái là O (cùng anh N là em rể) cho bố mẹ khoảng 1/3 tiền làm nhà đó. Đến nay nhà còn giá trị bao nhiêu tôi không biết. Ngoài công sức làm nhà trên vợ chồng tôi còn mua được 01 tủ lạnh, 06 điều hòa, 01 máy giặt, 01 máy hút bụi, 01 máy cao áp, 01 bình nóng lạnh, 01 bộ li oa, 01 máy phát điện, 01 vô tuyến Samsung, 01 bộ bàn ghế ăn, 01 bàn uống nước, 01 lọ lục bình. Tổng giá trị khoảng 100 triệu đồng; tiền làm nhà khi đó khoảng 700 triệu đồng. Theo đó phần công sức của tôi như sau:

- Tiền làm nhà cô em gái cho bố mẹ khoảng 1/3 số tiền làm nhà.
- Còn lại những đồ đạc kê khai trên là của vợ chồng tôi.

Đề nghị Tòa xem xét giải quyết công sức của tôi theo pháp luật.

Trường hợp anh L đồng ý thanh toán trả cho tôi số tiền 100 triệu đồng công sức và các đồ vật trong gia đình tôi cũng đồng ý để cho việc giải quyết nhanh chóng. Nếu anh L dứt khoát chia tài sản theo pháp luật đề nghị Tòa căn cứ pháp luật giải quyết.

Nợ chung: không.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị X trình bày:*

Vợ chồng tôi tổ chức cưới cho anh L chị O vào ngày 21/6/1996, trước khi cưới anh L đã có 01 đời vợ và đã ly hôn, còn chị O chưa kết hôn lần nào. Chúng tôi chỉ biết việc tổ chức cưới, còn việc đăng ký kết hôn của anh L chị O như thế nào chúng tôi không hề biết. Vợ chồng anh L, chị O đã có 03 người con. Đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thế nào tôi không rõ nhưng hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Vợ chồng tôi có can ngăn nhưng giữa anh L và chị O vẫn không cải thiện. Khoảng từ năm 2017 đến nay, giữa anh L và chị O đã ly thân. Tình cảm vợ chồng hiện nay như thế nào tôi không rõ, việc đoàn tụ hay ly hôn giữa anh L và chị O chúng tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản: khi cưới chị O không mang tài sản gì về nhà. Khi đó, gia đình tôi có 01 ngôi nhà 04 gian hiên tây lợp ngói từ năm 1972 trên thửa đất 7 thước khoảng 168m² và 02 gian bếp, 01 công trình phụ lợp ngói sông cầu. Khi vợ chồng lấy nhau, anh L làm nghề sửa xe máy, còn chị O ở nhà rửa xe máy và chăm con. Đến năm 2014, do việc sửa xe máy thu nhập thấp, anh L chuyển sang làm công ty cho em gái tên là O và anh N. Còn chị O thì vẫn làm rửa xe. Đến năm 2016 thì chị O đi làm công ty ở Hà Nội cho đến nay.

Năm 2005, gia đình tôi phá bỏ nhà cũ xây lên toàn bộ nhà mới với diện tích

khoảng hơn 100m², tiền làm nhà chủ yếu do vợ chồng em O và anh N cho, vợ chồng anh L chị O chỉ đóng góp phần nhỏ, cụ thể bao nhiêu tôi không rõ, còn vợ chồng tôi không có tài sản đóng góp. Thời gian làm nhà từ 2005 đến 2006 là xong. Việc làm nhà có vay mượn ai hay không tôi không rõ. Năm 2008, con gái tôi tên H, chồng là L có cho hai vợ chồng tôi 04 lọ lục bình, còn chiếc sập gụ do thầy Nguyễn Cung H tặng vợ chồng tôi. Hiện nay, tôi đã 80 tuổi, già yếu không đi đến Tòa được vì vậy tôi sẽ ủy quyền toàn bộ cho anh L thay mặt tôi giải quyết. Theo quan điểm của tôi thì đề nghị Tòa căn cứ pháp luật giải quyết, còn vấn đề đất đai tôi không cắt chia cho ai hết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức N trình bày:

Năm 2017, vợ chồng anh L, chị O phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị O lấy trộm tiền của anh L, hai bên cãi nhau, tôi có nghe nói là chị O lấy mất của anh L hơn 01 tỷ. Sau đó có một lần anh L bán được xe máy chị O cũng lấy mất. Tôi chỉ biết nội dung như vậy còn cụ thể như thế nào tôi không rõ. Theo tôi, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, việc đoàn tụ là rất khó khăn.

Về tài sản: khi cưới chị O không mang tài sản gì về nhà. Khi đó, gia đình tôi có 01 ngôi nhà 04 gian hiên tây lợp ngói từ năm 1972 trên thửa đất 7 thước khoảng 168m² và 02 gian bếp, 01 công trình phụ lợp ngói sông cầu. Khi vợ chồng lấy nhau, anh L làm nghề sửa xe máy, còn chị O ở nhà chăm sóc con cái. Đến năm 2014, anh L đi làm ở công ty, còn chị O ở nhà rửa xe máy. Đến năm 2016, chị O đi làm công ty ở Hà Nội, sáng đi làm tối về.

Năm 2005, gia đình tôi phá bỏ nhà cũ xây lên toàn bộ nhà mới với diện tích khoảng hơn 100m². Toàn bộ tiền làm nhà chủ yếu là của chị O (con gái tôi) và anh N (con rể tôi) cho còn vợ chồng anh L chị O chỉ đóng góp phần nhỏ, cụ thể bao nhiêu tôi không rõ. Đáng ra nhà là nhà của anh L nhưng toàn bộ nguyên vật liệu là của anh N, chị O vì anh N, chị O làm thầu xây dựng nên sẵn đó mang về cho nhà tôi xây dựng. Còn vợ chồng tôi không có tiền nên không đóng góp gì. Toàn bộ nhà cửa làm trên thửa đất 168m² do cha ông để lại đứng tên tôi là Nguyễn Đức N và bà Dương Thị X. Hiện tại, bìa đỏ chị O anh N đã mượn đi vay Ngân hàng. Còn việc anh N, chị O vay bao nhiêu, ngân hàng nào? Đã trả được bao nhiêu tôi không rõ. Năm 2008, con gái tôi tên H, chồng là L có cho hai vợ chồng tôi 04 lọ lục bình, còn chiếc sập gụ do thầy Nguyễn Cung H tặng vợ chồng tôi, không liên quan gì đến vợ chồng anh L. Hiện nay, do tuổi già sức yếu tôi đã 85 tuổi, không đi đến Tòa được vì vậy tôi sẽ ủy quyền toàn bộ cho anh L thay mặt tôi giải quyết vụ án từ khi khởi

kiện đến khi kết thúc vụ án. Ngoài các thông tin trên tôi còn muốn thông tin cho Tòa biết là chị O đã 3 lần thuê xã hội đen để tạt axit anh L nhưng không thành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng Q - đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X trình bày:

Ngày 10/8/2011 ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Hà Nội (nay là Ngân hàng X) ký hợp đồng tín dụng số 030.0214/HĐT/NH-2011 với hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị O mà người đại diện là bà Nguyễn Thị O và ông Tạ Đức N theo đó ngân hàng cho hộ kinh doanh Nguyễn Thị O vay số tiền 5 tỷ đồng; Thời hạn vay 9 tháng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh các sản phẩm từ gỗ. Để đảm bảo một phần khoản vay ông Nguyễn Đức N và bà Dương Thị X đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ số 4, tại xóm 2, khu 1, xã P, huyện Q, tỉnh Hà Tây nay là thành phố Hà Nội diện tích 181,2 m² hiện ông N, bà X, chị O cùng các con đang ở trên đó. Hiện nay Hợp đồng tín dụng trên đã quá hạn tại ngân hàng, HKD Nguyễn Thị O đã gặp gỡ ngân hàng đề nghị ngân hàng cho một thời gian ngắn để hộ kinh doanh thu xếp tiền trả cho ngân hàng. Vì vậy ngân hàng X không đề nghị giải quyết khoản vay này trong vụ án ly hôn giữa ông L với bà O. Ông Tạ Đức N và bà Nguyễn Thị O cũng có đơn đề nghị ngân hàng cho thời gian để thu xếp trả tiền cho ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án xin ly hôn giữa ông L và bà O mà giải quyết thành vụ án khác.

Ngày 23/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Q đã mở phiên tòa lần thứ ba do hai lần trước chị O xin hoãn phiên tòa do sức khỏe không bảo đảm sau đó bà mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Luật sư đã có đơn xin hoãn phiên tòa để nghiên cứu hồ sơ. Quá trình tiến hành tố tụng bà O liên tục có đơn thay đổi yêu cầu về tài sản, gây khó khăn cho việc giải quyết dẫn đến vụ án kéo dài phức tạp. Cụ thể:

1- Từ khi thụ lý đến ngày 18/5/2020, bà O không yêu cầu giải quyết về tài sản.

2- Từ ngày 21/5/2020 đến ngày 11/11/2020 bà O yêu cầu Tòa giải quyết chia các động sản là đồ dùng sinh hoạt như bàn, ghế, giường, tủ ... và công sức tôn tạo, bảo vệ thửa đất.

3- Tại phiên Tòa ngày 23/12/2020 bà O thay đổi yêu cầu đề nghị HĐXX giải quyết buộc ông L phải thanh toán công sức và trợ cấp tạo chỗ ăn ở mới cho bà tổng cộng là 700 triệu đồng. Phần động sản Tòa đã định giá bà không yêu cầu giải quyết để hai bên tự giải quyết.

4- Đến ngày 28/12/2020 bà O lại có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q tiến hành kiểm tra, xác minh, thu thập tài liệu liên quan đến cổ phần của ông Nguyễn Đức L trong doanh nghiệp là Công ty cổ phần công trình giao thông 18 và xem xét công sức xây dựng ngôi nhà 2 tầng trên đất của ông N, bà X tại thôn 1, xã P, huyện Q.

Tòa án phải ngừng phiên tòa và yêu cầu bà O cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc xây dựng nhà ở và số cổ phần, giá trị mỗi cổ phần của ông L tại công ty Giao thông 18 là bao nhiêu đồng thời giải thích cho bà phải làm đơn phản tố, nộp tạm ứng án phí. Nếu trường hợp không nộp Tòa sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đến nay bà O chỉ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết yêu cầu ông L phải thanh toán tiền công sức bà nuôi 3 con một mình từ năm 2015 đến nay là 200 triệu đồng. Đối với phần công sức khác như quản lý, coi sóc nhà cửa và các tài sản chung khác sẽ có đơn yêu cầu Tòa giải quyết sau.

* Theo biên bản định giá tài sản ngày 27/11/2020, tài sản 02 bên thỏa thuận được là 01 tủ lạnh, 06 điều hòa, 01 máy giặt, 01 máy hút bụi, 01 máy bơm cao áp, 01 bình nóng lạnh, 01 bộ li oa, 01 máy phát điện, 01 vô tuyến Samsung, 01 bộ bàn ghế ăn, 01 bàn uống nước anh L không yêu cầu định giá cho chị O toàn bộ. Các tài sản yêu cầu định giá bao gồm 01 sập gụ, 01 đồng hồ cây, 02 lọ lục bình to (02 lọ lục bình trên bàn thờ chị O không yêu cầu định giá). Hội đồng định giá cho ý kiến: 01 bộ sập gụ giá 17 triệu đồng, 01 đồng hồ cây giá 5 triệu đồng, 02 lọ lục bình to giá 5 triệu đồng. Tổng 27 triệu đồng. Hai bên thống nhất về biên bản định giá, không có ý kiến gì khác.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ngân hàng X có mặt đề nghị tòa án tách ra giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị O thành vụ án khác; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Tòa xét xử cho anh L ly hôn chị O; Về con chung giao chị O cháu Tuấn K và anh L đóng góp nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Về tài sản chung, công sức và đề nghị được lưu cư tòa tách ra giải quyết thành vụ án khác. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị HĐXX xử cho anh L ly hôn chị O và chị O được quyền nuôi cháu Tuấn K, anh L đóng góp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công sức đề nghị Tòa giải quyết anh L thanh toán tiền chị O nuôi 03 con một mình trong thời hạn 5 năm là 200 triệu đồng. Chị O được lưu cư trên nhà đất của ông N, bà X.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Đức L và bà Hoàng Thị O kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 29/6/1999 tại UBND xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông L và bà O không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên nghi ngờ lẫn nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn ly hôn của ông L xin ly hôn bà O để giải phóng cho cả hai người.

+ Về con chung: Ông Nguyễn Đức L và bà Hoàng Thị O có 03 con chung là Cháu Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 19/12/1996. Cháu Nguyễn Đức Khánh T, sinh ngày 08/3/2000. Cháu Nguyễn Đức Tuấn K, sinh ngày 08/7/2008. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành, cháu Tuấn K còn nhỏ và đang ở với bà O. Nay ly hôn để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao cho bà O nuôi cháu và ông L đóng góp nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

+ Về tài sản chung, công sức: Trong các phiên tòa, bà O nhiều lần thay đổi yêu cầu. Khi thì không yêu cầu giải quyết công sức; Khi thì chỉ yêu cầu giải quyết phần động sản; Khi thì yêu cầu cả phần cổ phần Công ty. Tòa đã giải thích và yêu cầu cung cấp chứng cứ; yêu cầu làm đơn phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà O không làm đơn, không nộp tạm ứng án phí chỉ có đơn yêu cầu Tòa xem xét phần công sức nuôi con một mình trong thời gian 5 năm là không phù hợp với pháp luật nên không có cơ sở để xem xét. Nếu sau này bà O có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản, công sức và cung cấp chứng cứ thì Tòa sẽ giải quyết bằng một vụ án Dân sự khác theo pháp luật. Về yêu cầu lưu cư đề nghị HĐXX chấp nhận cho mẹ con bà O được lưu cư trên đất ông N, bà X đang ở.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Ông L chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tố tụng: Bà Hoàng Thị O có nơi ở tại thôn 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Q.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà O trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2015 đến nay. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà O là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử ông L ly hôn bà O.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Cháu Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 19/12/1996. Cháu Nguyễn Đức Khánh T, sinh ngày 08/3/2000. Cháu Nguyễn Đức Tuấn K, sinh ngày 08/7/2008 đang ở với mẹ. Cả hai đều có nguyện vọng nuôi cháu. Hiện cháu đang sống với bà O nên tiếp tục giao cháu cho bà O nuôi dưỡng, ông L có trách nhiệm đóng góp nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản chung, công sức: Quá trình chung sống bà O cùng ông L và gia đình chồng (bà O, ông N) phá bỏ nhà cấp 4 năm gian xây lên toàn bộ nhà mới với diện tích khoảng hơn 100m² và mua được một số đồ dùng sinh hoạt như tủ, điều hòa, máy giặt, máy hút bụi, máy cao áp, bình nóng lạnh... hiện ông N, bà X và mẹ con bà O đang sử dụng. Nay cả hai bên không đề nghị giải quyết. Tại phiên tòa bà O chỉ có đơn yêu cầu HĐXX xem xét phần công sức bà nuôi con một mình từ năm 2015 đến nay là 200 triệu đồng. Mặc dù bà đã được Tòa giải thích kỹ nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí hơn nửa phần nuôi con trong thời gian hai vợ chồng chung sống chỉ là một phần trong toàn bộ công sức của bà O nên tách ra giải quyết thành vụ án khác khi bà O có đơn yêu cầu cùng các chứng cứ kèm theo và nộp tiền tạm ứng án phí. Về yêu cầu lưu cư của bà O, hiện tại bà O cùng các con vẫn sống trên thửa đất đứng tên ông N, bà X và ngôi nhà bà O cùng ông L và gia đình chồng xây dựng. Ông L không có yêu cầu buộc bà O và cháu Tuấn K phải dời bỏ chỗ ở nên Tòa tách ra giải quyết thành vụ án khác khi bà O có đơn yêu cầu và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không.

Về án phí : Ông Nguyễn Đức L chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử : Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Đức L đối với và Hoàng Thị O.

1. Về hôn nhân: Xử: Ông **Nguyễn Đức L** ly hôn bà **Hoàng Thị O**.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Cháu Nguyễn Thị Hoài P, sinh ngày 19/12/1996; Cháu Nguyễn Đức Khánh T, sinh ngày 08/3/ 2000. Cháu Nguyễn Đức Tuấn K, sinh ngày 08/7/2008. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành, còn cháu K còn nhỏ. Giao bà O tiếp tục nuôi cháu K, ông L đóng góp nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc có Quyết định thay đổi khác. Ông L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2- Về tài sản chung, công sức chung: Đối với yêu cầu của bà O xem xét công sức bà O nuôi 03 con một mình trong thời gian từ năm 2015 đến nay và quyền lưu cư Tòa tách ra giải quyết thành vụ án khác khi bà O có đơn yêu cầu; Cung cấp các tài liệu chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí;

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đức L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010939 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q. Ông L còn phải nộp 300.000 đồng án phí nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh